

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/DSST
Ngày: 17 - 6- 2020
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lực.
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Vò.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Thanh T, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp A, xã MA, huyện L, tỉnh Đ

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1973, địa chỉ: ấp V, xã B, huyện L, tỉnh Đ (theo văn bản ủy quyền ngày 14/02/2020).

- *Bị đơn:* Ông Trương Tấn N, sinh năm: 1959

Bà Đỗ Thị S, sinh năm: 1962.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã LB, huyện L, tỉnh Đ.

(Anh Đ có mặt, còn bà S và ông N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 02 năm 2020 của chị Dương Thị Thanh T và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình

bày: Vào ngày 07/11/2017 bà Đỗ Thị S và ông Trương Tấn N có vay của chị T số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), mục đích vay là để làm vốn làm ăn. Khi vay hai bên có làm biên nhận nợ, thời hạn trả là ngày 07/10/2018, lãi suất tự thỏa thuận. Đến hạn trả nợ bà S và ông N không thực hiện việc trả nợ theo như cam kết. Nay chị T yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà S và ông N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền vay còn nợ là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và chị T không yêu cầu tính lãi nhưng sau khi án có hiệu lực pháp luật và chị T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà S và ông N không trả số tiền trên thì yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn bà Đỗ Thị S trình bày: Thừa nhận có nợ của bà S1 (chị T) là bà con của chị T số tiền 200.000.000đ nhưng biên nhận thì bà S làm biên nhận nợ với chị T, đây là tiền hụi. Số tiền này một mình bà S làm biên nhận với chị T, ông N là chồng của bà S không có ký tên vào biên nhận nợ. Bà S tham gia hụi là nhằm mục đích về để đầu tư đi tàu biển (đánh bắt thủy sản) của vợ chồng và ông N biết số nợ này. Nay chị T yêu cầu vợ chồng bà S có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) thì vợ chồng bà S đồng ý trả nhưng đến tháng 4/2021 mới bắt đầu trả và xin được trả dần.

- Bị đơn ông Trương Tấn N vắng mặt tại các buổi hoà giải cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay nên không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ. Còn bà S cho rằng đây là tiền hụi không phải là tiền vay nhưng bà S không có chứng cứ chứng minh đây là tiền hụi nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 3, Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Toà án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà Đỗ Thị S và ông Trương Tấn N vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 227 và Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà S và ông N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Chị Dương Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị S và ông Trương Tấn N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền còn nợ là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và cung cấp cho Toà án tờ “giấy cho mượn tiền” có chữ ký của bà Đỗ Thị S. Bà Đỗ Thị S thừa nhận có ký và ghi họ tên vào tờ giấy cho

mượn tiền nêu trên và thừa nhận số tiền còn nợ chị T là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Căn cứ vào tờ “Giấy cho mượn tiền” đề ngày 07/11/2017 thể hiện bà Đỗ Thị S có vay của chị Dương Thị Thanh T số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Thời hạn cho vay là 01 năm từ ngày 07/11/2017 đến ngày 07/10/2018. Đến nay thời hạn trả nợ đã hết nhưng bà S và ông N chưa trả số tiền trên cho chị T theo như thoả thuận. Như vậy, bà S và ông N đã vi phạm thời hạn trả nợ nên chị T yêu cầu bà S và ông N có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[2.3] Bà S thừa nhận có nợ chị T số tiền 200.000.000đ và đồng ý trả số tiền trên cho chị T nhưng thời điểm thực hiện việc trả nợ là từ tháng 4/2021 mới bắt đầu trả và xin được trả dần. Yêu cầu của bà S không được phía anh Đ đại diện theo uỷ quyền của chị T chấp thuận và không phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự. Tại khoản 1 Điều 466 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay là “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn” nên không chấp nhận.

[2.4] Đối với ông Trương Tấn N mặc dù không ký tên vào biên nhận nợ nhưng bà S thừa nhận ông N là chồng của bà S, số tiền nợ của chị T nhằm mục đích để làm chi phí đi tàu biển phục vụ kinh tế cho gia đình và ông N biết số tiền nợ này. Do đó, áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình buộc ông Trương Tấn N có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Đỗ Thị S trả cho chị Dương Thị Thanh T số tiền còn nợ là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

[2.5] Đối với số tiền lãi của khoản tiền vay do chị Dương Thị Thanh T không yêu cầu bà S và ông N phải có trách nhiệm trả nên không xem xét giải quyết.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị S và ông Trương Tấn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Dương Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Thanh T.

Buộc bà Đỗ Thị S và ông Trương Tấn N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Dương Thị Thanh T số tiền còn nợ là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị S và ông Trương Tấn N phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Chị Dương Thị Thanh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Thảo số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai số BH/2018/ 0009260 ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

3. Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lập Vò;
- Chi cục THADS H.Lập Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội